

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN BÌNH TÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 1053/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 27/7/2023

V/v Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH TÂN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Tiến Trung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Khanh.

2. Bà Nguyễn Thị Hồng Bạch.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Hoàng Phúc – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân quận Bình Tân.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thu Thương Thương – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 7 năm 2023, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân quận Bình Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 1415/2022/HNST ngày 03 tháng 10 năm 2022 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 225/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 198/2023/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Minh D, sinh năm: 2000.

Địa chỉ: 301/1 Tổ 18, khu phố 3, phường T, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh. *(Có đơn xin vắng mặt)*

- Bị đơn: Ông Trà Minh S, sinh năm: 1998.

Địa chỉ: 65/18B đường số 6, khu phố 7, phường B, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh. *(Vắng mặt không có lý do)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn ngày 31/8/2022, biên bản hòa giải cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, bà Nguyễn Thị Minh D trình bày:

Sau thời gian tìm hiểu thì Nguyễn Thị Minh D và ông Trà Minh S đã tự nguyện đăng ký kết hôn năm 2020 tại Ủy ban nhân dân xã Trường Khánh, huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số: 125, ngày 14/12/2020.

Thời gian đầu, vợ chồng bà chung sống hạnh phúc, tuy nhiên, những năm gần đây trong đời sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là do ông Trà Minh S có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác nên bà Nguyễn Thị Minh D đã về nhà cha mẹ để sống từ năm 2021 cho đến nay. Bà Nguyễn Thị Minh D xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2021, mục đích hôn nhân không đạt được. Bà Nguyễn Thị Minh D đề nghị Tòa án giải quyết cho được ly hôn với ông Trà Minh S.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, bà Nguyễn Thị Minh D và ông Trà Minh S có 01 (một) con chung là Trà Minh Khang, sinh ngày 13/10/2020. Bà Nguyễn Thị Minh D đề nghị giao cho bà trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ Trà Minh Khang, sinh ngày 13/10/2020 và không yêu cầu ông Trà Minh S cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh đã nhiều lần tiến hành triệu tập ông Trà Minh S lên để làm việc cũng như xét xử nhưng ông Trà Minh S vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu về việc chấp hành đúng quy định tại bộ luật tố tụng dân sự của thẩm phán, Hội đồng xét xử, các đương sự và xác định: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đã thực hiện các quyền, nghĩa vụ của mình trong quá trình tham gia tố tụng, tuy nhiên về thời hạn chuẩn bị xét xử chưa đảm bảo đúng thời hạn theo quy định.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Minh D và ông Trà Minh S có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Trường Khánh, huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng theo Giấy chứng nhận kết hôn số: 125, ngày 14/12/2020 đây là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống ông Trà Minh S không quan tâm chăm sóc vợ, con. Cả hai bắt đầu phát sinh mâu thuẫn theo trình bày của nguyên đơn là ông Sơn quan hệ với người phụ nữ khác và hai vợ chồng đã ly thân từ năm 2021. Mặc dù Tòa án đã tiến hành triệu tập nhưng ông Trà Minh S vẫn vắng mặt thể hiện ông không có thiện chí hàn gắn hôn nhân. Do đó đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Minh D được ly hôn với ông Trà Minh S.

Về con chung: Có 01 con chung tên Trà Minh Khang sinh ngày 13/10/2020, hiện con chung chưa đủ 03 (Ba) tuổi và đang do bà Nguyễn Thị Minh D chăm sóc, nuôi dưỡng. Do đó yêu cầu được chăm sóc, nuôi dưỡng con chung của bà Nguyễn Thị Minh D có cơ sở để chấp nhận.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Thị Minh D khai không có, ông Trà Minh S vắng mặt không có ý kiến gì nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị Minh D và ông Trà Minh S đã tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau ngày 14 tháng 12 năm 2020 tại Ủy ban nhân dân xã Trường Khánh, huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số: 125. Ông Trà Minh S cư trú tại địa chỉ 65/18B đường số 6, khu phố 7, phường Bình Hưng Hòa B, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh. Nguyên đơn nộp đơn ly hôn với bị đơn tại Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh, đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Điều 26, khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh đã triệu tập ông Trà Minh S đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra, tiếp nhận công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên Tòa theo quy định của pháp luật nhưng ông Trà Minh S không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa nên Tòa án nhân dân quận Bình Tân tiến hành xét xử vắng mặt ông Trà Minh S theo quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Minh D có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ Khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số: 125 do Ủy ban nhân dân xã Trường Khánh, huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 14/12/2020. Hội đồng xét xử xác định quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Minh D và ông Trà Minh S là hôn nhân hợp pháp theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà Nguyễn Thị Minh D xác định nguyên nhân mâu thuẫn là do sau khi đăng ký kết hôn thì bà Nguyễn Thị Minh D phát hiện ông Trà Minh S có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác nên bà Nguyễn Thị Minh D đã sống ly thân với ông Trà Minh S từ năm 2021 đến nay. Do mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà Nguyễn Thị Minh D yêu cầu được ly hôn với ông Trà Minh S.

Về phía ông Trà Minh S: Tòa án đã triệu tập họp lệ đối với ông Trà Minh S để tiến hành hòa giải quan hệ hôn nhân giữa hai vợ chồng nhưng ông Trà Minh S vẫn cố tình vắng mặt, điều đó chứng tỏ ông Trà Minh S không có ý muốn hàn gắn tình cảm gia đình nữa.

Theo Công văn xác minh về tình trạng hôn nhân số: 1327/TAQBT ngày 11/5/2023 của Tòa án nhân dân quận Bình Tân và Công văn số: 2275/UBND ngày 01/6/2023 của Ủy ban nhân dân phường Bình Hưng Hòa B đã trả lời trong quá trình chung sống giữa bà Nguyễn Thị Minh D và ông Trà Minh S thì Ủy ban nhân dân phường Bình Hưng Hòa B chưa nhận được đơn yêu cầu hòa giải của các đương sự và không nắm được mâu thuẫn trong gia đình cũng như không nhận hay biết được tin tức mâu thuẫn.

Ngoài ra theo lời khai của nguyên đơn thì hai vợ chồng đã ly thân từ năm 2021, do đó xác định mâu thuẫn gia đình đã trầm trọng, tình trạng hôn nhân không

thể kéo dài. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình 2014 giải quyết cho bà Nguyễn Thị Minh D được ly hôn với ông Trà Minh S.

[2.2] Về yêu cầu nuôi con và cấp dưỡng nuôi con: Có 01 (một) con chung tên là Trà Minh Khang, sinh ngày 13/10/2020. Bà Nguyễn Thị Minh D có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ Trà Minh Khang, sinh ngày 13/10/2020. Hội đồng xét xử xét thấy trẻ Trà Minh Khang là trẻ dưới 36 tháng tuổi, bà Nguyễn Thị Minh D có yêu cầu được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng con chung, ông Trà Minh S vắng mặt và không có ý về việc đề nghị nuôi con. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu giao trẻ Trà Minh Khang cho bà Nguyễn Thị Minh D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Nguyễn Thị Minh D không yêu cầu ông Trà Minh S cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị Minh D về việc không yêu cầu ông Trà Minh S cấp dưỡng nuôi con chung.

[2.3] Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Minh D xác nhận không có.

[2.4] Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị Minh D xác nhận không có.

[3] Về án phí: Bà Nguyễn Thị Minh D chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 228; Điều 266 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 51, Điều 56, Điều 69, Điều 71, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 ngày 12 tháng 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật Thi hành án năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014, năm 2022.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1.1 Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Minh D được ly hôn với bị đơn ông Trà Minh S. Giấy chứng nhận kết hôn số: 125 do Ủy ban nhân dân xã Trường Khánh, huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 14/12/2020 không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật.

1.2 Về con chung: Hai bên có 01 (một) con chung tên là Trà Minh Khang, sinh ngày 13/10/2020. Giao con chung là Trà Minh Khang, sinh ngày 13/10/2020 cho bà Nguyễn Thị Minh D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

1.3 Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị Minh D về việc không yêu cầu ông Trà Minh S cấp dưỡng nuôi con.

Người không được trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích con chung, khi cần thiết các bên có quyền xin thay đổi việc nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con sau này theo quy định tại Điều 83, Điều 84 và Điều 116 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó theo quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

1.4 Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Minh D khai nhận không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

1.5 Về nợ chung và các vấn đề dân sự khác: Bà Nguyễn Thị Minh D khai nhận không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Minh D chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng mà bà Nguyễn Thị Minh D đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí Tòa án số: AA/2022/0009538, ngày 03/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo, kháng nghị.

Viện kiểm sát được quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014, năm 2022.

Nơi nhận:

- VKSND quận Bình Tân;
- Chi cục THADS quận Bình Tân;
- Những người tham gia tố tụng;
- Cơ quan thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu: Hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đào Tiến Trung

